Chi tiết mã HS 8477.51.00

Mã HS	8477.51.00
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để gia công cao su hoặc plastic hoặc dùng trong việc sản xuất các sản phẩm từ những vật liệu trên, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này / - Máy đúc hoặc tạo hình khác: / - - Để đúc hoặc đắp lại lốp hơi hoặc để đúc hoặc tạo hình loại săm khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 04:37:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84775100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14432
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14432
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14432
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13780
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13721
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13721
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13721
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13721
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13721
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13721
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13775
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13775
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13775

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13775
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13775
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13775
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13776
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13776
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13776
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13776
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13776
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13776
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13779
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13727
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13735
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13735
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13735
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13735
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13735
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13735
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13766
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13766
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13766
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13766
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13766
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13766
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13815
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13815
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13815

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13815
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13815
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13815
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13798
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13798
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13798
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13798
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13798
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13798
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13798
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13798
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13798
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13798
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13798
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13798
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13813
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13813
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13813
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13813
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13813
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13813
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13812
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13812
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13812
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13812
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13812

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13812
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13792
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13792
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13792
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13792
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13792
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13792
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13792
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13800
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13800
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13800
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13800
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13800
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13800
RCEP B	2022	2022	0	B!D13800
RCEP B	2023	2023	0	B!E13800
RCEP B	2024	2024	0	B!F13800
RCEP B	2025	2025	0	B!G13800
RCEP B	2026	2026	0	B!H13800
RCEP B	2027	2027	0	B!I13800
RCEP C	2022	2022	0	C!D13800
RCEP C	2023	2023	0	C!E13800
RCEP C	2024	2024	0	C!F13800
RCEP C	2025	2025	0	C!G13800
RCEP C	2026	2026	0	C!H13800
RCEP C	2027	2027	0	C!I13800

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13799
RCEP D	2023	2023	0	D!E13799
RCEP D	2024	2024	0	D!F13799
RCEP D	2025	2025	0	D!G13799
RCEP D	2026	2026	0	D!H13799
RCEP D	2027	2027	0	D!I13799
RCEP E	2022	2022	0	E!D13803
RCEP E	2023	2023	0	E!E13803
RCEP E	2024	2024	0	E!F13803
RCEP E	2025	2025	0	E!G13803
RCEP E	2026	2026	0	E!H13803
RCEP E	2027	2027	0	E!I13803
RCEP F	2022	2022	0	F!D13800
RCEP F	2023	2023	0	F!E13800
RCEP F	2024	2024	0	F!F13800
RCEP F	2025	2025	0	F!G13800
RCEP F	2026	2026	0	F!H13800
RCEP F	2027	2027	0	F!I13800
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12811
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12811
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12811
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12811

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8477.51.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8477.51.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14432), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.